

Số: 155 /QĐ-UBND

Kông Chro, ngày 19 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển, kỳ tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện Kông Chro năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-SNV ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện Kông Chro năm 2022;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện Kông Chro năm 2022

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện Kông Chro năm 2022 gồm có 59 thí sinh trúng tuyển.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện Kông Chro năm 2022 căn cứ danh sách trúng tuyển thông báo kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển, hoàn thiện hồ sơ; Phòng Giáo

dục và Đào tạo huyện phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân huyện quyết định tuyển dụng, chỉ đạo đơn vị sự nghiệp ký kết hợp đồng làm việc, phân công công tác và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và người đăng ký dự tuyển có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai (b/c);
- Sở GD&ĐT tỉnh Gia Lai (b/c);
- TT Huyện uỷ (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Công an huyện;
- Trung tâm VH, TT&TT huyện (đưa tin);
- Trang thông tin điện tử của huyện;
- Trang Web Phòng GD&ĐT huyện;
- Lưu VT-UB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Nguyên Nam

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN, KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022 CỦA HUYỆN KÔNG CHRO

(Kèm theo Quyết định số: 155/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kông Chro)

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Chuyên môn	Đổi tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Kết quả			Ghi chú
				Nam	Nữ						Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Tổng điểm	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC													
I	BẬC MẦM NON													
1	003	Trần Thị	Diệu		07/11/1990	Kinh	Thị xã An Nhơn, Bình Định	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		83,0	83,0	
2	011	Rah Lan	H'Niêm		11/5/1994	Jrai	Chư Mồ, Ia Pa, Gia Lai	ĐHSP Mầm non	Jrai	Giáo viên MN hạng III	5,0	78,0	83,0	
3	009	Nguyễn Thị	Hiền		20/3/1995	Kinh	Song An, An Khê, Gia Lai	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		80,0	80,0	
4	031	Nguyễn Thị Mỹ	Thu		07/11/1995	Kinh	An Phước, Thị xã An Khê, Gia Lai	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		79,0	79,0	
5	013	Nguyễn Thị Như	Huệ		14/3/1988	Kinh	Cát Hiệp, Phù Cát, Bình Định	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		78,0	78,0	
6	033	Bùi Thị Ngọc	Thùy		20/5/1995	Kinh	Thanh Mai, Thanh Chương, Nghệ An	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		77,0	77,0	
7	022	Thái Thị Kim	Mỹ		04/3/1999	Kinh	Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định	CĐSP Mầm Non		Giáo viên MN hạng III		76,0	76,0	
8	036	Nguyễn Đình Tú	Trình		10/01/1997	Kinh	Tây Sơn, thị xã An Khê, Gia Lai	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		73,0	73,0	
9	021	Bùi Thị Thanh	Lưu		20/10/2000	Kinh	An Lĩnh, Tuy An, Phú Yên	CĐSP Mầm Non		Giáo viên MN hạng III		71,0	71,0	
10	014	Đình Thị	Jách		17/9/1999	Bahnar	Chợ Glong, Kông Chro, Gia Lai	CĐSP Mầm Non	Bahnar	Giáo viên MN hạng III	5,0	65,0	70,0	
11	016	Nguyễn Thị	Lan		20/10/1999	Kinh	Bình Tường - Tây Sơn - Bình Định	CĐSP Mầm Non		Giáo viên MN hạng III		70,0	70,0	
12	028	Trương Thị Ngọc	Quyền		04/12/1996	Kinh	Nhơn Hạnh, An Nhơn, Bình Định	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		69,0	69,0	
13	017	Nguyễn Thị	Lanh		10/01/1989	Kinh	Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		64,0	64,0	
14	020	Nguyễn Thị Mỹ	Lượng		02/02/1996	Kinh	Song An, An Khê, Gia Lai	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		62,0	62,0	
15	030	Nguyễn Thị Ngọc	Sương		22/01/1994	Kinh	Thành An, An Khê, Gia Lai	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		61,0	61,0	
16	034	Trần Thị Mỹ	Trân		18/6/1994	Kinh	Song An, An Khê, Gia Lai	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		60,0	60,0	
17	029	Phạm Thị Như	Quỳnh		24/02/1995	Kinh	Thanh Thủy, Phú Thọ	ĐHSP Mầm non		Giáo viên MN hạng III		59,0	59,0	
II	BẬC TIỂU HỌC													
1	TIỂU HỌC - VĂN HÓA													
1.1	055	Nay	H'Moanh		03/4/1996	Jrai	Iartô, AyunPa, Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Jrai	Giáo viên TH hạng III	5,0	88,0	93,0	

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Chuyên môn	Đổi tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Kết quả			Ghi chú
										Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Tổng điểm	
1.2	076	Nguyễn Thị	Sương		29/10/1997	Kinh	Ấn Tín, Hoài Ân, Bình Định	ĐHSP Tiểu học			92,0	92,0	
1.3	079	Ksor	Thao	25/3/1994		Jrai	IaSao, Ayun Pa, Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Jrai	5,0	87,0	92,0	
1.4	045	Kpă	H'A		09/10/1995	Jrai	Chư Mố, Ia Pa, Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Jrai	5,0	83,0	88,0	
1.5	071	Nguyễn Thị	Ngãi		20/4/1991	Kinh	Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định	ĐHSP Tiểu học			88,0	88,0	
1.6	072	Nguyễn Thị	Ngọc		24/4/1999	Kinh	Hùng Sơn, Đại Từ, Thái Nguyên	ĐHSP Tiểu học			87,0	87,0	
1.7	039	Vũ Ngọc	Anh		28/3/1998	Kinh	Trung Thành, Yên Thành, Nghệ An	ĐHSP Tiểu học			85,0	85,0	
1.8	057	Ksor	H'Tu		18/6/1991	Jrai	Ia Trok, Ia Pa, Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Jrai	5,0	80,0	85,0	
1.9	082	Nguyễn Thị	Thêu		02/8/1995	Kinh	Yên Lâm, Yên Mô, Ninh Bình	ĐHSP Tiểu học			85,0	85,0	
1.10	088	Nguyễn Thị Tô	Vi		24/10/1997	Kinh	Nhon Phong, An Nhơn, Bình Định	ĐHSP Tiểu học			84,0	84,0	
1.11	040	Lê Công	Chính	16/10/1997		Kinh	An Phước, An Khê, Gia Lai	ĐHSP Tiểu học			83,0	83,0	
1.12	066	Trần Thị	Lý		09/3/1998	Kinh	Phủ An, Đăk Pơ, Gia Lai	ĐHSP Tiểu học			83,0	83,0	
1.13	059	Siu	Hương		22/11/1993	Jrai	Ia Trok, Ia Pa, Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Jrai	5,0	77,0	82,0	
1.14	050	Phương Thị	Hiền		03/3/1993	Tày	Nam Tuấn, Hòa An, Cao Bằng	ĐHSP Tiểu học	Tày	5,0	76,0	81,0	
1.15	062	Đinh Thị	Kúi		01/12/1999	Bahnar	Kông Bờ La, Kbang, Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Bahnar	5,0	76,0	81,0	
1.16	077	Đàm Thị	Tâm		28/9/1998	Kinh	Yên Lâm, Yên Mô, Ninh Bình	ĐHSP Tiểu học			80,0	80,0	
1.17	087	Nguyễn Thị Ngọc	Vi		16/10/1997	Kinh	An Khê, Gia Lai	ĐHSP Tiểu học			80,0	80,0	
1.18	090	Nguyễn Thị Hồng	Vy		29/10/1999	Kinh	Nhon Thọ, An Nhơn, Bình Định	ĐHSP Tiểu học			80,0	80,0	
1.19	058	Lê Thị	Huê		13/6/1993	Kinh	Lý Nhân, Hà Nam	ĐHSP Tiểu học			77,0	77,0	
1.20	061	Ngụy Văn	Khánh	13/4/1994		Nùng	Lũng Nặm, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐHSP Tiểu học	Nùng	5,0	72,0	77,0	
2	TIỂU HỌC - TIẾNG ANH												
2.1	099	Nguyễn Thị Thanh	Phú		02/12/1997	Kinh	Tây Vinh, Tây Sơn, Bình Định	ĐHSP Tiếng Anh			83,0	83,0	
2.2	094	Võ Thị Thanh	Khương		02/04/1997	Kinh	Bình Tú, Thăng Bình, Quảng Nam	ĐHSP Tiếng Anh			78,0	78,0	
2.3	098	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		20/12/2000	Kinh	Cát Hiệp, Phù Cát, Bình Định	Ngôn ngữ Anh			77,0	77,0	
2.4	095	Phạm Thị	Lụa		08/9/1997	Kinh	Bình Lục, Hà Nam	ĐHSP Tiếng Anh			73,0	73,0	
2.5	092	Trần Thị Thu	Hương		13/10/1993	Kinh	An Nhơn, Bình Định	Ngôn Ngữ Anh			71,0	71,0	
3	TIỂU HỌC - TIN HỌC												
3.1	104	Võ Thị Thu	Hà		22/11/1991	Kinh	Tam An, Phú Ninh, Quảng Nam	ĐHCNTT			77,0	77,0	
4	TIỂU HỌC - THỂ DỤC												

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Chuyên môn	Đổi tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Kết quả			Ghi chú
				Nam	Nữ						Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Tổng điểm	
4.1	108	Nguyễn Ngọc	Tuấn	08/8/1995		Kinh	An Phú,Thị xã An Khê, Gia Lai	ĐHGD Thẻ Chất		Giáo viên TH hạng III		80,0	80,0	
5 TIỂU HỌC - ÂM NHẠC														
5.1	109	Y Nguyễn Bích	Huyền		11/9/1989	Bahnar	Hra, Mang Yang, Gia Lai	ĐHSP Âm Nhạc	Bahnar	Giáo viên TH hạng III		57,0	57,0	
III BẬC THCS														
1 MÔN TOÁN														
1.1	115	Lê Thị	Trang		24/5/1997	Kinh	Cát Tường, Phù Cát, Bình Định	ĐHSP Toán	Không	Giáo viên THCS hạng III		80,0	80,0	
2 MÔN HÓA HỌC														
2.1	120	Mạc Văn	Tùng	14/8/1992		Kinh	An Sinh, Kinh Môn, Hải Dương	ĐHSP Hóa học		Giáo viên THCS hạng III		73,0	73,0	
2.2	118	Nguyễn Thị Công	Ly		20/6/1988	Kinh	Cư An, Đăk Pơ, Gia Lai	ĐHSP Hóa học		Giáo viên THCS hạng III		72,0	72,0	
3 MÔN NGỮ VĂN														
3.1	121	Trần Thị Út	Miên		14/10/1998	Kinh	Tây Sơn, Thị xã An Khê, Gia Lai	ĐHSP Ngữ Văn		Giáo viên THCS hạng III		81,0	81,0	
4 MÔN VẬT LÝ														
4.1	124	Dương Thị Bích	Hân		08/02/1994	Kinh	An Khê, Gia Lai	ĐHSP Vật Lý		Giáo viên THCS hạng III		59,3	59,3	
4.2	125	Hà Thị Mỹ	Nhàn		20/10/1996	Kinh	Tây Sơn, Bình Định	ĐHSP Vật Lý		Giáo viên THCS hạng III		57,8	57,8	
5 MÔN TIẾNG ANH														
5.1	127	Lê Thị	Hảo		11/10/1995	Kinh	Tuy Phước, Bình Định	Ngôn ngữ Anh		Giáo viên THCS hạng III		75,0	75,0	
5.2	129	Hồ Thị Ngọc	Ý		02/02/1990	Kinh	Đức Hiệp, Mộ Đức, Quảng Ngãi	ĐHSP Tiếng Anh		Giáo viên THCS hạng III		72,0	72,0	
6 MÔN ĐỊA LÍ														
6.1	130	Võ Thị Thu	Hà		16/6/1988	Kinh	Phong Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	ĐHSP Địa lí		Giáo viên THCS hạng III		73,0	73,0	
6.2	134	Guenh			1996	Bahnar	Kon Dong, Mang Yang, Gia Lai	ĐHSP Địa lí	Bahnar	Giáo viên THCS hạng III	5,0	63,0	68,0	
B SỰ NGHIỆP KHÁC														
I TRUNG TÂM VĂN HÓA, THÔNG TIN VÀ THỂ THAO														
1 Vị trí việc làm Kế toán														
1.1	135	Nguyễn Đăng Phương	Anh		08-11-96	Kinh	An Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kế toán		Kê toán viên		95,0	95,0	
2 Vị trí việc làm Thể dục thể thao														
2.1	140	Ksor	Son	23/02/1999		Jrai	Ia Trok, Ia Pa, Gia Lai	Đại học Giáo dục thể chất	Jrai	Huấn luyện viên		55,0	55,0	
II TRUNG TÂM DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP														
1 Vị trí việc làm Nghiệp vụ chăn nuôi và thú y														

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Kết quả			Ghi chú
			Nam	Nữ						Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Tổng điểm	
1.1	143	Bùi Thị Huyền Thương		15/6/1993	Kinh	Thanh Mai, Thanh Chương, Nghệ An	Thạc sĩ Thú y		Chẩn đoán viên bệnh động vật		78,0	78,0	
2 Vị trí việc làm Khuyến nông													
2.1	144	Nguyễn Thị Uyên		03/9/1998	Kinh	Kim Bình, Phù Lý, Hà Nam	Đại học Nông học		Khuyến nông viên		54,5	54,5	

Danh sách này có 59 thí sinh trúng tuyển./.